

Số 65/2020/QĐST-VHNGĐ

Phú Mỹ, ngày 10 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 90/2019/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Lê Tấn T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bà Trần Kim Q, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim Q và ông Lê Tấn T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T (nay là phường M, thị xã P), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 156, quyền số 01 ngày 12/9/2012

Quá trình sống chung, vợ chồng sống chung với nhau đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng năm 2015 đến nay. Nay bà Q, ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu tòa án giải quyết cho bà Q, ông T được thuận tình ly hôn.

Qua bản ý kiến và trình bày của các đương sự tại buổi hòa giải đoàn tụ ngày 28 tháng 02 năm 2020, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, ghi nhận việc bà Trần Kim Q và ông Lê Tấn T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Lê Tấn T và bà Trần Kim Q có 02 con chung tên Lê Thái T1, sinh ngày 04/6/2011 và Lê Thái T2, sinh ngày 11/8/2013. Khi ly hôn ông T, bà Q thỏa thuận, theo nguyện vọng của con; bà Q trực tiếp trực tiếp nuôi con chung tên T1, ông T trực tiếp nuôi con chung tên T2, ông T cấp dưỡng nuôi con Lê Thái T1 mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung, trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 3/2020.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông Lê Tấn T và bà Trần Kim Q tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tấn T và bà Trần Kim Q thuận tình ly hôn (giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 156, quyển số 01 ngày 12/9/2012 của xã M, huyện T (nay là phường M, thị xã P), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) không còn giá trị sử dụng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực)

Về con chung: Ông Lê Tấn T và bà Trần Kim Q có 02 con chung. Giao con chung Lê Thái T1, sinh ngày 11/8/2013 cho bà Trần Kim Q trực tiếp trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Lê Tấn T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 3/2020. Giao con chung Lê Thái T2, sinh ngày 04/6/2011 cho ông Lê Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà Trần Kim Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Tấn T1 và bà Trần Kim Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự hoặc của các cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Lê Tấn T và bà Trần Kim Q nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0004399 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Ông Lê Tấn T và bà Trần Kim Q đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- NĐKKH:UBND phường Mỹ Xuân
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Dương sự;
- Tòa án tỉnh
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đặng Đức Hào